

Số: 5331/QĐ-UBND

TP. Yên Bái, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư tổ dân phố số 2, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019 Sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị và Thông tư 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của bộ xây dựng về việc sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng, quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2108/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Yên Bái và vùng phụ cận đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060;

Căn cứ Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 11/02/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư tổ dân phố số 2, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 3274/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái;

Căn cứ Văn bản số 3192/UBND-XD ngày 15/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc nghiên cứu, khảo sát, lập quy hoạch và tài trợ kinh phí lập quy hoạch dự án Khu đô thị tại phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 2744/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư tổ dân phố số 2, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 4188/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái về việc Quy hoạch điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu phường Yên Ninh (khu vực tổ dân phố số 2).

Căn cứ Văn bản số 2955/SXD-QHKT ngày 12/12/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái về việc tham gia ý kiến vào hồ sơ đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư tổ dân phố số 2, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái;

Xét đề nghị của Phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số 257/TTr-QLĐT ngày 29/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư tổ dân phố số 2, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, với nội dung sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư tổ dân phố số 2, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái.

2. Vị trí, ranh giới quy hoạch.

- Vị trí: Khu vực lập đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư tổ dân phố số 2, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái thuộc địa giới hành chính tổ 02 và tổ 11, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Ranh giới: Phía Bắc giáp với tuyến đường Bảo Lương và khu dân cư hiện trạng; Phía Đông giáp với tuyến đường Bách Lãm kéo dài; Phía Tây giáp với tuyến đường Quốc lộ 37 và khu dân cư hiện trạng; Phía Nam giáp với tuyến đường nối đường Bách Lãm và Quốc lộ 37.

3. Quy mô.

- Quy mô diện tích lập quy hoạch khoảng 17,69ha.

- Quy mô dân số 1.344 người.

4. Tính chất.

Là khu dân cư đô thị sinh thái kết hợp tái định cư hoàn chỉnh với đầy đủ tiện nghi, đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đáp ứng cho nhu cầu ở, tái định cư, vui chơi giải trí; thương mại dịch vụ và các dịch vụ tiện ích khác, hạ tầng khu dân cư kết nối hài hòa và đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật hiện trạng của khu vực góp phần tích cực vào chương trình phát triển đô thị, phát triển nhà ở của thành phố Yên Bái, mang lại hiệu quả đầu tư cao.

5. Quy hoạch sử dụng đất.

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất.

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích	Tỷ lệ
			M2	%
	Tổng diện tích lập quy hoạch		176.873,6	100,00
1	Đất thương mại dịch vụ (công ty xăng dầu)	TMDV	5.841,9	3,30
2	Đất ở mới		53.413,4	30,20
2.1	Đất ở liền kề	LK	5.014,4	2,84
2.3	Đất ở biệt thự sinh thái	BT	33.404,8	18,89
2.4	Đất nhà ở xã hội	OXH	10.091,4	5,71
2.5	Đất tái định cư	TDC	4.902,8	2,77
3	Đất công cộng (nhà văn hóa)	CC	1.179,8	0,67
4	Đất giáo dục	GD	3.743,2	2,12
4.1	Trường THCS Yên Ninh hiện trạng	GD-01	2.682,1	1,52
4.2	Trường mầm non	GD-02	1.061,1	0,60
5	Đất cây xanh	CX	31.680,4	17,91
6	Đất ở hiện trạng	OHT	24.216,0	13,69
7	Đất quảng trường	QT	1.794,8	1,01
8	Đất cảnh quan (đồi mắt rồng)	CQ	12.039,9	6,81
9	Đất trung tâm sát hạch lái xe (hiện trạng)	DT	2.270,9	1,28
10	Đất cây xanh cách ly	CXCL	350,4	0,20
11	Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật		40.342,9	22,81
11.1	Đất trạm xử lý nước thải	HTKT	640,9	0,36
11.2	Đất hạ tầng kỹ thuật nội khu (kè, taluy)		4.472,0	2,53
11.3	Đất bãi đỗ xe	BĐX	1.861,0	1,05
11.4	Đất giao thông		33.369,0	18,87

6. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan.

- Không gian kiến trúc cảnh quan Khu dân cư mới được hình thành bởi các khu chức năng chính bao gồm: Đất ở; đất giáo dục; đất công cộng (nhà văn hoá); đất cây xanh cảnh quan; đất quảng trường; đất bãi đỗ xe; đất giao thông... Liên kết hữu cơ các khu chức năng trong khu vực quy hoạch cũng như các công trình thành phần giữa công trình nhà ở liền kề, nhà ở biệt thự sinh thái, công trình nhà văn hoá, với các khu cây xanh,...thành một tổng thể bố cục kiến trúc cảnh quan hài hòa, đảm bảo được tính chất của đồ án quy hoạch đảm bảo mỹ quan, hiệu năng sử dụng, hài hoà, tạo ra một khu dân cư có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Yếu tố cảnh quan thiên nhiên được ưu tiên hàng đầu bằng việc bố trí cây xanh, mặt nước làm trung tâm khu dân cư, nhằm đảm bảo bán kính phục vụ cũng như gia tăng giá trị môi trường sống cho người dân trong khu vực.

- Bố trí công trình nhà ở liền kề chiều cao tối đa 5 tầng dọc trục đường kéo dài cầu Bách Lãm có tính thương mại cao với cây xanh trên vỉa hè tạo bóng mát, đảm bảo môi trường sống văn minh, chất lượng cao.

- Các công trình biệt thự sinh thái chiều cao tối đa 3 tầng, được bố trí xen

kẽ với các khu cây xanh cảnh quan. Áp dụng các hình thức kiến trúc đồng bộ kết hợp hài hoà với không gian chung, tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều nhu cầu sử dụng khác nhau.

- Công trình công cộng (*nhà văn hóa*) bố trí tại khu vực phía Đông Nam.
- Khu cây xanh cảnh quan bố trí gần với trục đường lớn dẫn vào trung tâm khu vực. Các khu cây xanh tại đây được tổ chức theo mô hình không gian mở với các hoạt động kết hợp với thể dục thể thao, hoạt động ngoài trời hướng tới phục vụ cộng đồng dân cư, nâng cao chất lượng đời sống.
- Tổ chức cảnh quan đảm bảo mô hình dân cư hiện đại, đồng bộ về hạ tầng và phù hợp với văn hóa của địa phương.

7. Thiết kế đô thị.

Chiều cao công trình đảm bảo hài hòa với địa hình tự nhiên và thống nhất với công trình lân cận theo từng khu chức năng.

Khoảng lùi công trình tuân thủ khoảng lùi tối thiểu đã được quy định theo quy chuẩn xây dựng Việt Nam, đảm bảo tính thống nhất trên các tuyến phố.

Trong khu vực quy hoạch loại hình nhà ở liền kề khoảng lùi trước phía tiếp giáp đường giao thông tối thiểu là 1,0m; khoảng lùi sau tối thiểu 1,0m; khoảng lùi biên phía tiếp giáp đường giao thông tối thiểu 1,0m. Loại hình nhà ở biệt thự khoảng lùi trước phía tiếp giáp đường giao thông tối thiểu 3,0m; khoảng lùi sau tối thiểu 1,0m, khoảng lùi biên phía tiếp giáp đường giao thông tối thiểu 3,0m.

Cây xanh đường phố: Sử dụng cây xanh cách ồn, có tán cao để che mát và phù hợp với đặc điểm thổ nhưỡng của vùng. Khu vực cây xanh công viên sử dụng cây khóm bụi kết hợp với cây bóng mát có tán rộng và cao đảm bảo diện che phủ lớn và có tính thẩm mỹ.

8. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.

8.1. Quy hoạch san nền.

Cao trình nền xây dựng của khu vực nghiên cứu được xác định bởi cao độ của các tuyến giao thông ngoài khu vực giáp đường nối Quốc lộ 37; đường Bảo Lương; đường dẫn cầu Bách Lãm và khu tái định cư hiện hữu. Cao trình san nền trung bình là 54.65m, biến thiên từ cao trình 41.60m tại vị trí phía Nam khu quy hoạch tiếp cận đường dẫn cầu Bách Lãm đến cao trình 67.70m tại khu vực CX-02.

- Thiết kế san nền tuân thủ theo các cao độ không chế của các trục trục đường, độ dốc, hướng dốc của khu vực, kết hợp với việc xem xét các cao độ hiện trạng các tuyến đường để đảm bảo việc khớp nối với hiện trạng.

- Khoanh vùng các khu vực tiến hành san lấp, thiết kế đường đồng mức trong lô với độ dốc theo độ dốc dọc đường.

- Các cơ quan, trường học hiện trạng tôn trọng nền công trình hiện có, các khu vực mở rộng phát triển được quyết định bởi đơn vị quản lý trực tiếp.

- Khoanh vùng các khu vực cần cải tạo mái taluy hiện trạng để đảm bảo chống sạt lở bằng phương pháp neo đất, đinh đất.

- Khoanh vùng các khu vực taluy đắp mới cần gia cố để đảm bảo ổn định toàn khối cho khu vực đắp bằng phương pháp tường chắn có cốt.

8.2. Quy hoạch giao thông.

a. Giao thông đối ngoại:

- Giáp khu vực quy hoạch về phía Nam là tuyến đường dẫn cầu Bách Lãm có

chiều rộng nền đường $B_n=15m+5m \times 2=25m$, về phía Đông là tuyến đường kéo dài cầu Bách Lãm có chiều rộng nền đường $B_n=15m+5m \times 2=25m$, về phía Bắc là tuyến đường Bảo Lương có chiều rộng nền đường $B_n=6,5m+3m \times 2=12,5m$ về phía Tây là tuyến đường Quốc Lộ 37 có chiều rộng nền đường $B_n=10m+3m \times 2=16m$.

b. Giao thông đối nội:

- Mạng lưới giao thông nội bộ khu vực quy hoạch có tổng chiều dài khoảng $L=2,1Km$ với các loại mặt cắt ngang cụ thể là: Đường trục chính vào khu Quảng trường có chiều rộng nền đường $B_n=14m+5m \times 2+2m=26m$ (2m giải phân cách giữa) với chiều dài khoảng $L=139,6m$; đoạn đường kết nối ra đường kéo dài cầu Bách Lãm có chiều rộng nền đường $B_n=10m+3m \times 2=16,5m$ với chiều dài khoảng $L=44,1m$; tuyến đường nội bộ trong khu dân cư có chiều rộng nền đường $B_n=7,5m+3m \times 2=13,5m$ với chiều dài khoảng $L=1.752,0m$; tuyến đường giáp khu tái định cư hiện hữu có chiều rộng nền đường $B_n=5,5m+2m \times 2=9,5m$ với chiều dài khoảng $L=250,0m$.

- Độ dốc dọc đường được quy hoạch phù hợp với hướng thoát nước mưa và kết nối êm thuận với các tuyến đường hiện trạng.

- Bãi đỗ xe bố trí giáp các trục đường cạnh khu dân cư, gần khu cây xanh, đảm bảo bán kính phục vụ cho dân cư trong khu vực.

8.3. Quy hoạch thoát nước mưa.

- Hệ thống thoát nước mưa khu vực quy hoạch 01 lưu vực thoát nước chính, nước được thoát ra Sông Hồng. Khu vực lập quy hoạch phần lớn toàn bộ diện tích 9,3ha nước mưa được thoát theo địa hình theo rãnh dọc của các trục đường đổ xuống tuyến công D1.500 đã có chảy ra sông Hồng.

- Hệ thống công thoát nước mưa được xây dựng bằng công BTCT có đường kính từ B800mm bằng bê tông cốt thép chịu lực. Các rãnh dọc tuyến giao thông phải bố trí đảm bảo hố ga theo quy phạm 30m/1 hố. Các hố ga cần thường xuyên kiểm tra nạo vét để đảm bảo khả năng thoát nước. Trên hệ thống thoát nước mưa có bố trí các công trình kỹ thuật như giếng thu nước mưa, giếng thăm, giếng thu thăm kết hợp...

8.4. Quy hoạch cấp nước.

- Nguồn nước lấy từ đường ống cấp nước hiện hữu D110 nằm ở phía Nam khu đất trên tuyến đường dẫn cầu Bách Lãm. Ống phân phối chính cho khu dân cư có đường kính từ D50 đến D110.

- Nhu cầu dùng nước cho khu vực là $493,0m^3/ngày$ đêm.

- Mạng lưới đường ống được thiết kế theo kiểu mạng vòng kết hợp mạng hở. Mạng dịch vụ là mạng cung cấp nước trực tiếp đến các đối tượng sử dụng nước, đường kính ống từ D63 đến D110. Ống cấp nước sử dụng ống nhựa HDPE.

- Đường ống thiết kế đặt trong hào cáp kỹ thuật trên vỉa hè, những đoạn qua đường, tùy thuộc vào chiều sâu sẽ được đặt trong ống lồng bảo vệ. Đường kính ống lồng lớn hơn các ống tương ứng hai cấp tùy trường hợp thực tế.

- Các trụ cứu hỏa ngoài nhà chọn loại nổi D100, khoảng cách mỗi trụ cứu hỏa 100 đến 150m/trụ.

8.5. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

a. Quy hoạch thoát nước thải:

- Tổng nhu cầu nước thải khu vực: $160m^3/ngđ$.

- Tất cả các công trình phát sinh nước thải đều phải có bể tự hoại ba ngăn hợp quy cách. Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sẽ được thu vào hệ thống công thoát nước thải riêng.

- Nước thải được thu gom theo hình thức tự chảy về khu xử lý nước thải đặt tại phía Đông Nam với công suất $170\text{m}^3/\text{ngđ}$. Toàn bộ nước thải từ nguồn thải được tách riêng thoát theo hệ thống ống nhánh PVC D200 sau đó thu về hệ thống ống thoát nước thải dọc các tuyến đường bằng B'TCT D300 dẫn về trạm xử lý nước thải, nước thải sau khi được xử lý được xả ra môi trường đảm bảo theo cột A, QCVN14:2008-BTNMT.

- Trên hệ thống, tại vị trí các đường công giao nhau và trên các đoạn công có đặt các giếng thăm thuận tiện cho việc đấu nối từ hệ thống thoát nước trong nhà ra hệ thống thoát nước ngoài nhà, cũng như việc quản lý và vận hành hệ thống thoát nước, khoảng cách giữa các giếng thăm đảm bảo theo tiêu chuẩn hiện hành.

- Quy hoạch xây dựng hệ thống đường ống thoát nước cho phù hợp, đảm bảo vệ sinh môi trường.

b. Quản lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường:

- Chất thải rắn được tổ chức phân loại từ nguồn phát sinh thành hai loại chính:

+ Chất thải rắn vô cơ: Kim loại, thủy tinh, chai nhựa, bao nilon...được thu gom để tái chế nhằm thu hồi phế liệu và giảm tải cho các khu xử lý chất thải rắn. Các loại này được định kỳ thu gom.

+ Chất thải rắn hữu cơ: Thực phẩm, rau quả củ phế thải, lá cây...được thu gom hàng ngày.

- Đối với khu vực xây dựng nhà cao tầng cần xây dựng hệ thống đồ rác từ trên tầng cao xuống bể rác cho từng đơn nguyên, xe chở rác sẽ thu rác trực tiếp từ bể rác này hoặc thu gom do ban quản lý công trình chịu trách nhiệm.

- Đối với khu dịch vụ công cộng cần có bể rác hoặc thùng rác to có nắp đậy kín và hợp đồng thu gom rác với Công ty Môi trường đô thị.

- Trên các trục đường cần đặt các thùng rác con công cộng khoảng cách của các thùng rác từ 60m - 80m/1 thùng để người dân thuận tiện bỏ rác.

- Bố trí 1 điểm trung chuyển rác thải tại vị trí phía Đông Bắc khu đất.

- Đảm bảo chất thải rắn phải chuyển đi triệt để vào cuối ngày, chất thải rắn sau khi thu gom chuyển về khu xử lý chất thải rắn tập trung của thành phố tại xã Văn Phú.

8.6. Quy hoạch cấp điện.

- Nguồn cấp điện: Nguồn điện cấp cho các trạm biến áp được lấy xuất tuyến 22kV hiện trạng phía Tây khu vực quy hoạch trên đường QL37.

- Tổng nhu cầu dùng điện của khu vực quy hoạch là: 2.462,16Kw tương đương $S_{tt}=2.896,66\text{ KVA}$.

- Lưới trung thế: Tuyến điện trung áp xây dựng mới cấp điện cho 03 trạm biến áp xây mới với tổng công suất 3.750KVA. Tuyến điện trung áp mới này đi ngầm trong hệ thống hào kỹ thuật hiện có và đi trong ống nhựa xoắn HDPE chôn trực tiếp trong đất.

- Lưới điện hạ thế:

+ Lưới điện hạ thế trong khu vực quy hoạch được sử dụng cáp ngầm XLPE dọc theo các trục đường chính dẫn đến tủ điện rồi phân phối đến các phụ tải điện. Khoảng cách bố trí các tủ điện phù hợp với từng loại tủ 6, 9 hay 12 công tơ.

+ Mạng lưới điện 0,4kv sử dụng cáp ngầm XLPE với tiết diện từ 4x50mm² đến 4x240mm².

- Lưới điện chiếu sáng:

+ Hệ thống chiếu sáng được thiết kế theo tiêu Tiêu chuẩn Thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị - TCXDVN 259:2001.

+ Bố trí hệ thống điện chiếu sáng đô thị, chiếu sáng công viên, vườn hoa theo hệ thống đường giao thông và khu chức năng quy hoạch.

- Toàn bộ hệ thống lưới điện dùng cáp ngầm chôn đất và đi trong hệ thống hào cáp trên hành lang đường giao thông.

8.7. Quy hoạch thông tin liên lạc.

- Xây dựng hệ thống thông tin phù hợp với quy mô và nhu cầu của khu quy hoạch, cho phép cung cấp dịch vụ đến mọi khu vực của dự án. Mạng thông tin của khu dân cư dựa trên cơ sở truyền dẫn băng thông rộng với tính năng mở rộng và nâng cấp dễ dàng, hỗ trợ các kiểu truy nhập và các kết nối chuẩn với mạng của nhà cung cấp dịch vụ thông tin.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế: Đảm bảo thỏa mãn tiêu chuẩn kết nối, lắp đặt và khai thác bảo dưỡng, dễ dàng thêm các chức năng và khai thác công nghệ mới.

9. Đánh giá môi trường chiến lược.

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình, các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên, phân tích dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường.

- Đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm giảm thiểu, khắc phục tác động đến môi trường đô thị khi triển khai thực hiện quy hoạch.

- Tổng hợp, đề xuất, sắp xếp thứ tự ưu tiên biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường còn tồn tại, đề xuất các khu vực cách ly bảo vệ môi trường (không gian xanh, hành lang bảo vệ mặt nước, các khu vực hạn chế phát triển, ...).

- Lập kế hoạch giám sát môi trường, quản lý và quan trắc môi trường theo quy định hiện hành.

10. Thành phần hồ sơ

- Thành phần hồ sơ quy hoạch như hồ sơ kèm theo được Phòng Quản lý đô thị thành phố thẩm định, trình duyệt theo quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng, bao gồm (*thuyết minh quy hoạch; hồ sơ bản vẽ quy hoạch; Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết đô thị*).

- Hồ sơ quy hoạch gồm 07 bộ, được lưu trữ tại Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái và các cơ quan chức năng liên quan để quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành.

Điều 2. Giao phòng Quản lý đô thị thành phố phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Yên Ninh và các đơn vị liên quan có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư tổ dân phố số 2, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái để

các tổ chức và cá nhân được biết, tham gia kiểm tra và thực hiện quy hoạch; bàn giao hồ sơ quy hoạch cho các đơn vị có liên quan.

- Triển khai thực hiện Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch; các cơ chế chính sách, kế hoạch thực hiện đầu tư; cấm mốc ranh giới theo quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở quản lý đất đai, thực hiện thu hồi đất, cấp phép xây dựng và thực hiện đầu tư dự án theo quy định hiện hành.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện đầu tư các dự án theo quy hoạch đã được phê duyệt của nhà đầu tư đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố; Trưởng các phòng: Quản lý đô thị; Tài nguyên và Môi trường; Tài chính - Kế hoạch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Yên Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận: /s/

- Như điều 3;
- Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái;
- TT. Thành ủy;
- Chủ tịch, các PCT. UBND thành phố;
- Lưu: VT /s/

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Trúc